

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người lao động
theo Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008
của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 109/2008/NĐ-CP) như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán, giao quy định tại Điều 2, Nghị định số 109/2008/NĐ-CP.

Các doanh nghiệp, công ty, đơn vị nêu trên gọi chung là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này là người sử dụng lao động; người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ (kể cả người lao động được tuyển dụng vào khu vực nhà nước trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động) ở doanh nghiệp 100% vốn nhà nước quy định tại Điều 1 Thông tư này; cá nhân, tổ chức liên quan đến việc bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định.

Điều 3. Xây dựng phương án sắp xếp số lao động hiện có của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán, giao

1. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán.

Khi nhận được thông báo bán, doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng phương án sắp xếp lao động theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm danh sách các loại lao động sau:

a) Tổng số lao động của doanh nghiệp theo mẫu số 1 ban hành kèm Thông tư này.

b) Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động (gồm: hết hạn hợp đồng lao động; tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc lý do khác theo quy định của pháp luật lao động).

d) Số lao động bên nhận mua doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng.

đ) Số lao động bên nhận mua phải kế thừa sử dụng (kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn, nếu có).

e) Tổng hợp phương án sử dụng lao động theo mẫu số 2 ban hành kèm Thông tư này.

2. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện giao.

Sau khi tổ chức Đại hội công nhân, viên chức để biểu quyết theo thể thức đa số quá bán việc tự nguyện nhận giao doanh nghiệp, Ban chấp hành công đoàn (hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời hoặc người được Đại hội công nhân, viên chức bầu làm đại diện cho tập thể lao động) có trách nhiệm phối hợp với Giám đốc doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2, khoản 5, Điều 23 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm danh sách các loại lao động sau:

a) Tổng số lao động của doanh nghiệp theo mẫu số 1 ban hành kèm Thông tư này.

b) Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động (gồm: hết hạn hợp đồng lao động; tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc lý do khác theo quy định của pháp luật lao động).

d) Số lao động không có nhu cầu tiếp tục làm việc ở doanh nghiệp khi được giao cho tập thể lao động.

đ) Số lao động nhận giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

e) Tổng hợp phương án sử dụng lao động theo mẫu số 2 ban hành kèm Thông tư này.

3. Việc lập danh sách lao động trong phương án sử dụng lao động đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán quy định tại khoản 1 Điều này là thời điểm công bố giá khởi điểm doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện giao quy định tại khoản 2 Điều này là thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giao doanh nghiệp.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán, giao

Căn cứ phương án sử dụng lao động quy định tại Điều 3 Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Giám đốc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết các chế độ, chính sách đối với người lao động như sau:

1. Chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Những người có tên trong danh sách thường xuyên (có hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn, nếu có) của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chia số dư bằng tiền (nếu có) của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi quy định tại khoản 1, Điều 10 và điểm đ, khoản 2, Điều 22 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP theo tổng số năm (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động, tính từ thời điểm tuyển dụng đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đó. Đối với phần thặng dư của tổng số năm làm việc thực tế để tính chia số dư Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi do doanh nghiệp quyết định.

2. Chế độ hưu trí:

Người lao động quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư này thực hiện giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ trợ cấp thôi việc:

Người lao động quy định tại điểm c, khoản 1 và điểm c, khoản 2, Điều 3 Thông tư này chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc (nếu có) theo quy định tại khoản 1, Điều 42 của Bộ luật Lao động, Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003 và Thông tư số 17/2009/TT-

BLĐTBXH ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Chế độ đối với lao động dôi dư:

Người lao động bên nhận mua doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp sử dụng quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 3 và người lao động không có nhu cầu tiếp tục làm việc ở doanh nghiệp khi được giao cho tập thể lao động quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 Thông tư này thuộc đối tượng của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước thì giải quyết theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và Thông tư số 18/2007/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

5. Chế độ trợ cấp đối với lao động không thuộc diện dôi dư:

Người lao động bên nhận mua doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 3 và người lao động không có nhu cầu tiếp tục làm việc ở doanh nghiệp khi được giao cho tập thể lao động quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 Thông tư này không thuộc đối tượng giải quyết chế độ lao động dôi dư của Nghị định số 110/2007/NĐ-CP thì giải quyết chế độ trợ cấp mất việc làm (nếu có) hoặc trợ cấp thôi việc (nếu có) theo quy định của Bộ luật Lao động.

Nguồn kinh phí trả trợ cấp thôi việc thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 5. Chính sách đối với người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã thực hiện bán, giao

Người lao động thuộc diện có nhu cầu sử dụng theo phương án bán, giao đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được bên nhận mua, nhận giao tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trước đó theo quy định tại Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động. Khi thôi việc, mất việc làm người lao động được giải quyết chế độ thôi việc (nếu có), mất việc làm (nếu có) theo quy định của pháp luật lao động và các cam kết có liên quan trong hợp đồng bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã ký kết.

Điều 6. Chính sách đối với người lao động thuộc tập thể người lao động nhận giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

1. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (hưởng lương, đóng bảo hiểm xã hội, kể cả người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, đang nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn, nếu có) tham gia nhận giao doanh nghiệp đó thì tại thời điểm giao được hưởng quyền sở hữu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP. Thời gian để tính hưởng quyền sở hữu doanh nghiệp là thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (tính công dồn), bao gồm:

a) Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

c) Thời gian làm việc theo hình thức khoán sản phẩm, khối lượng công việc mà trong thời gian này doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động được hỗ trợ kinh phí tổ chức việc đào tạo, đào tạo lại để giải quyết việc làm từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Người lao động được đảm bảo việc làm tối thiểu là ba năm, kể từ ngày nhận giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định tại khoản 2, Điều 21 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP, trừ trường hợp người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động. Sau thời hạn cam kết trong phương án sử dụng lao động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt, chế độ trợ cấp thôi việc (nếu có), mất việc làm (nếu có), trợ cấp thất nghiệp (nếu có) đối với người lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các chính sách có liên quan.

Trường hợp doanh nghiệp sau khi giao cho tập thể người lao động lâm vào tình trạng phá sản, thực hiện phá sản thì chế độ, quyền lợi đối với người lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Điều 7. Trách nhiệm của Giám đốc và Ban Đối mới tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán, giao

1. Cung cấp thông tin cần thiết về lao động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cho bên đăng ký tham gia nhận mua, nhận giao theo quy định.

2. Giải quyết chế độ đối với người lao động theo phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt (hoặc thoả thuận ghi trong hợp đồng lao động) và các quy định của pháp luật trước khi tiến hành bán giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ có liên quan cho bên tiếp nhận theo thoả thuận ghi trong hợp đồng bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

3. Báo cáo về tình hình thực hiện phương án sử dụng lao động, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện bán, giao.

Điều 8. Trách nhiệm của bên đăng ký nhận mua (trừ trường hợp đăng ký nhận mua theo phương thức đấu giá), nhận giao

1. Thu thập, phân tích tình hình lao động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

2. Xây dựng phương án sử dụng lao động trong hồ sơ đăng ký tham gia nhận mua, nhận giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định tại Điều 3 Thông tư này. Trường hợp đăng ký mua theo phương thức thoả thuận trực tiếp thì phương án sử dụng lao động cũng được thoả thuận thống nhất trực tiếp giữa các bên có liên quan trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp hồ sơ đăng ký tham gia mua, nhận giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt thì bên được nhận mua, nhận giao có trách nhiệm thực hiện cam kết tiếp nhận, bố trí việc làm đối với số lao động chuyển sang theo phương án sử dụng lao động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

Hướng dẫn, chỉ đạo doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và Ban Đổi mới tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện đúng các chính sách đối với người lao động khi thực hiện bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và tổng hợp tình hình báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp, các cơ quan liên quan và Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những quy định tại Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan đối với người lao động, tổng hợp hình hình báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Thông tư số 29/2005/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về chính sách lao động của Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước.

2. Các chế độ, chính sách đối với người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐ-TB&XH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, LĐTTL (30b).



Phạm Minh Huân

Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2009/TT-BLĐTBXH
ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
TẠI THỜI ĐIỂM(1)...

Số T T	Họ và tên	Năm sinh		Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghề vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào doanh nghiep	Tổng số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước (năm)	Nơi ở hiện nay
		Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1									
2									
3									
4									
...									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 200...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 1:

- Về thời điểm lập phương án (1): đối với doanh nghiệp thực hiện bán lầy tại thời điểm công bố giá khởi điểm; đối với doanh nghiệp giao lầy theo thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong phương án giao doanh nghiệp.

- Cột 1: ghi toàn bộ số lao động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo 3 nhóm đối tượng, gồm:

+ Lao động không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước; Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

+ Lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả lao động tuyển dụng trước ngày 30 tháng 8 năm 1990 nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động).

+ Lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

- Cột 5: Nếu là viên chức thì ghi trình độ đào tạo và ngành chuyên môn; nếu là công nhân thì ghi nghề và bậc thợ;

- Cột 6: Nếu thuộc chức danh không phải ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) ghi ký hiệu là (K); HĐLĐ không xác định thời hạn được ghi ký hiệu (A); HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng ghi ký hiệu là (B); tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động được ghi ký hiệu (C);

- Cột 7: Ghi tháng, năm được tuyển dụng vào doanh nghiệp;

- Cột 9: Ghi cụ thể địa phương (từ số nhà trở lên), điện thoại (nếu có).

Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2009/TT-BLĐTBXH
ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TÊN DOANH NGHIỆP

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
1	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá khởi điểm (đối với doanh nghiệp thực hiện bán) hoặc thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giao (đối với doanh nghiệp thực hiện giao). Trong đó:		
1.1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng)		
1.2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn		
1.3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng		
1.4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng		
2	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá khởi điểm (đối với doanh nghiệp thực hiện bán) hoặc thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giao (đối với doanh nghiệp thực hiện giao). Trong đó:		
2.1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành		
	- Theo Nghị định số 152/2006/NĐ-CP		
	- Theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP		
2.2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:		
	- Hết hạn hợp đồng lao động		
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động		
	- Lý do khác theo quy định của pháp luật		
2.3	Số lao động bên nhận mua doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng hoặc số lao động không có nhu cầu tiếp tục làm việc ở doanh nghiệp sau khi được giao, chia ra:		
	- Số lao động thực hiện theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP		
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động		
3	Số lao động người mua phải kế thừa (đối với doanh nghiệp thực hiện bán) hoặc số lao động trong tập thể lao động nhận giao (đối với doanh nghiệp thực hiện giao)		
3.1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn		
3.2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:		
	- Ốm đau		
	- Thai sản		
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm 20.....
 GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
 (Ký tên, đóng dấu)